

Ngày soạn:
Ngày dạy:

Tiết 7: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP NHÂN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức: HS nắm vững các tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng, phép nhân các số tự nhiên; tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng; biết phát biểu và viết dạng tổng quát của các tính chất đó.

2. Kỹ năng: HS biết vận dụng các tính chất trên vào bài tập tính nhẩm, tính nhanh.

3. Thái độ: HS biết vận dụng hợp lý các tính chất của phép cộng và phép nhân vào giải toán

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBĐH:

1. Chuẩn bị của thầy: Giáo án, SGK, SGV, bảng phụ.

2. Chuẩn bị của trò: SGK toán 6, đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

HS₁: – Tính số phần tử của các tập hợp:

a) $A = \{40 ; 41 ; 42 ; \dots ; 100\}$. *Đáp số:* Có 61 phần tử

b) $B = \{10 ; 12 ; 14 ; \dots 98\}$. *Đáp số:* có 45 phần tử

HS₂: – Cho tập hợp $\{a ; b ; c\}$. Viết tất cả các tập hợp con của tập hợp?

Đáp án: $\emptyset ; \{a\} ; \{b\} ; \{c\} ; \{a ; b\} ; \{a ; c\} ; \{b ; c\} ; \{a ; b ; c\}$

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung kiến thức cần đạt
<u>Hoạt động 1:</u> Ôn tập về tổng và tích của hai số tự nhiên GV: Em hãy cho biết người ta dùng kí hiệu nào để biểu hiện phép cộng và phép nhân? GV: Cho HS nêu được số hạng, thừa số. GV: Cho HS nắm được kí hiệu phép nhân và cách viết về phép nhân. – Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không viết dấu nhân giữa các thừa số <i>Ví dụ:</i> $a . b = ab$ $4x.y = 4xy$ GV: Cho ví dụ minh họa	<u>1. Tổng và tích hai số tự nhiên :</u> – Phép cộng: $\begin{array}{ccccc} a & + & b & = & c \\ \text{(Số hạng)} & + & \text{(Số hạng)} & = & \text{(Tổng)} \end{array}$ – Phép nhân: $\begin{array}{ccccc} a & . & b & = & d \\ \text{(Thừa số)} & . & \text{(Thừa số)} & = & \text{Tích} \end{array}$?1 Điền vào chỗ trống

GV: Cho HS thực hiện ?1 và gọi HS đứng tại chỗ trả lời
GV: Ghi vào bảng

GV: Chỉ vào cột 3 và 5 ở bài ?1 yêu cầu HS trả lời bài ?2

GV: Cho bài tập HS vận dụng nhận xét trên để thực hiện

GV: Em hãy nhận xét kết quả của tích và thừa số của tích?

GV: Vậy thừa số còn lại phải như thế nào ?

GV gọi 1 HS lên bảng trình bày cách giải.

HS nhận xét và bổ sung thêm

GV: Uốn nắn thống nhất cách trình bày cho HS

Hoạt động 2: Ôn tập tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên.

GV treo bảng phụ ghi tính chất phép cộng và phép nhân

GV: Phép cộng số tự nhiên có tính chất gì? Phát biểu các tính chất đó?

GV Lưu ý HS: từ “đổi chỗ” khác với đổi các “số hạng”

GV gọi 2 HS phát biểu hai tính chất của phép cộng

Áp dụng tính nhanh:

$$26 + 47 + 74$$

GV: Phép nhân số tự nhiên có tính chất gì ?

Lưu ý : Từ đổi chỗ như phép cộng

GV gọi 2 HS phát biểu

HS áp dụng:

Tính nhanh: 2. 37. 50

a	12	21	1	0
b	5	0	48	15
a + b	17	21	49	15
a.b	60	0	48	0

?2

a) Tích của một số với 0 thì bằng 0

b) Nếu tích mà bằng 0 thì có ít nhất một thừa số bằng 0

Áp dụng : Tìm x biết

$$(x - 34) \cdot 15 = 0$$

Giải

$$\text{Ta có : } (x - 34) \cdot 15 = 0$$

$$\Rightarrow x - 34 = 0$$

$$x = 0 + 34$$

$$x = 34$$

2. Tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên:

- Tính chất giao hoán

$$a + b = b + a$$

$$a \cdot b = b \cdot a$$

- Tính chất kết hợp

$$(a + b) + c = a + (b + c)$$

$$(a \cdot b) \cdot c = a \cdot (b \cdot c)$$

- Tính chất phân phối phép nhân đối với phép cộng

$$a(b + c) = ab + ac$$

– Cả lớp làm vào vở
GV: Tính chất nào liên quan đến cả phép cộng và phép nhân? Phát biểu tính chất đó
– Áp dụng tính nhanh:
 $37 \cdot 36 + 37 \cdot 64$
GV: Phép cộng và phép nhân có tính chất gì giống nhau?
Hãy vận dụng thực hiện ?3
GV: Cho ba HS lên bảng trình bày cách thực hiện.
GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm

?3 Tính nhanh.

Hướng dẫn

$$\begin{aligned} \text{a) } 46 + 17 + 54 &= (46 + 54) + 17 \\ &= 100 + 17 = 117 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 4 \cdot 37 \cdot 25 &= (4 \cdot 25) \cdot 37 = \\ &= 100 \cdot 37 = 3700 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{c) } 87 \cdot 36 + 87 \cdot 64 &= 87(36 + 64) \\ &= 87 \cdot 100 = 8700 \end{aligned}$$

4. Củng cố-Luyện tập:

- Hãy nêu các tính chất của phép cộng và phép nhân? Giữa hai phép toán này có tính chất nào chung?
- Hướng dẫn HS làm bài tập 26; 27 SGK

5.Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Nắm vững các tính chất cơ bản của phép cộng và phép nhân
- Làm các bài tập 28; 29; 30; 31 trang 16 và 17 SGK
- Tiết sau mỗi em chuẩn bị một máy tính bỏ túi.